

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY CỎ DÙNG LÀM THUỐC CỦA ĐỒNG BÀO THÁI XÃ CHÂU LÝ, HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Phạm Hồng Ban

Khoa Sinh, Trường Đại học Vinh

TÓM TẮT

Qua điều tra thực tế đã xác định được 238 loài cây thuốc thuộc 182 chi, 80 họ thực vật được đồng bào Thái ở xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An sử dụng. Trong đó có 11 họ đa dạng nhất, nổi bật là Thầu dầu (Euphorbiaceae) 14 loài, Cúc (Asteraceae) 13 loài, Cà phê (Rubiaceae) 10 loài, và 9 chi giàu loài nhất chiếm 4,95% tổng số chi và chiếm 13,45 % tổng số loài của cả hệ, nổi bật là chi *Ficus* có 5 loài và chi *Solanum* có 5 loài. Cây thuốc thuộc 4 dạng sống chính như: cây thân thảo (28,99%), cây thân gỗ (26,89%), dây leo (22,69%) và ít nhất là cây bụi (21,43%) tổng số loài. Cây thường phân bố ở các sinh cảnh như rừng rậm, rừng thưa, rừng tái sinh, ở vườn nhà, nương rẫy, ven đường, ven bản và ở khe suối. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì lá và cả cây được sử dụng nhiều nhất. Đã xác định được 15 nhóm bệnh khác nhau được chữa trị bằng thuốc dân tộc. Nhóm bệnh đường tiêu hóa có nhiều loài cây nhất (16,47%), chữa bệnh ngoài da (15,69%), bệnh về thời tiết (10,19%), bệnh về phụ nữ (8,63%) và bồi bổ cơ thể (14,12%) trong tổng số các loài nghiên cứu.

Từ khóa: Dân tộc Thái, Cây thuốc, Quỳnh Hợp, Nghệ An.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quỳnh Hợp là một huyện miền núi tây Bắc tỉnh Nghệ An, xã Châu Lý nằm Cách trung tâm huyện Quỳnh Hợp 14km về phía Tây, cách thành phố Vinh 135km về phía Tây Bắc. Tổng diện tích tự nhiên của xã Châu Lý là 9.334ha, gồm 16 bản, với 6.337 nhân khẩu, trong đó có 6.210 nhân khẩu là người Thái chiếm tới 98%. Còn lại là 127 nhân khẩu người Kinh. Kinh nghiệm sử dụng cây cỏ làm thuốc của các dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Thái Quỳnh Hợp - Nghệ An nói riêng đã có từ ngàn đời nay. Tuy nhiên, do việc khai thác sử dụng bất hợp lý nên những cây thuốc trong rừng dần dần mất đi, nhiều loài đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Để góp phần bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc, bảo tồn những kinh nghiệm phong phú và quý báu của đồng bào dân tộc thì việc triển khai đề tài "Nghiên cứu cây thuốc truyền thống của đồng bào dân tộc Thái ở xã Châu Lý - Quỳnh Hợp - Nghệ An" nhằm kiểm kê, bổ sung và hệ thống hoá nguồn tài nguyên cây thuốc ở đây là việc làm cần thiết có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp kế thừa: Tập hợp các tư liệu có sẵn ở địa phương nghiên cứu để xây dựng; phương pháp phỏng vấn: Lập bảng và phát cho những Ông lang, bà mẹ đã có kinh nghiệm sử dụng thuốc; phương pháp thu mẫu ngoài thực địa cũng như xử lý mẫu trong phòng thí nghiệm, giám định tên thực vật được tiên sanh theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn, Ngô Trúc Nhã, Nguyễn Thị Hạnh (2001) và Nguyễn Nghĩa Thìn (2007).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đa dạng về các bậc phân loại (họ, chi, loài) của các ngành thực vật được sử dụng làm thuốc.

Kết quả điều tra cây thuốc của dân tộc Thái xã Châu Lý, Quỳnh Hợp, Nghệ An: Đã xác định được 238 loài thuộc 182 chi, 80 họ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là: Ngành Thông đất

(Lycopodiophyta), ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Hạt trần (Pinophyta), ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) (xem bảng 1).

Bảng 1. Đánh giá vị trí taxon của từng ngành so với toàn hệ

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Thông đất (Lycopodiophyta)	1	1,25	1	0,55	2	0,84
Dương xỉ (Polypodiophyta)	6	7,50	6	3,29	9	3,78
Thông (Pinophyta)	1	1,25	1	0,55	2	0,84
Mộc lan (Magnoliophyta)	72	90,00	174	95,61	225	94,54
Tổng số	80	100	182	100	238	100

Số liệu bảng 1 cho thấy, số lượng của các taxon họ, chi, loài trong các ngành thực vật của cây thuốc ở Châu Lý. Ngành Mộc lan (Magnoliophyta) với 72 họ chiếm 90,00%, 182 chi chiếm 95,61% và 225 loài chiếm 94,54% so với toàn ngành đã xác định được. Ngành Thông đất (Lycopodiophyta), ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta), chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Đa dạng các bậc phân loại của ngành Mộc lan (Magnoliophyta) thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Số lượng họ, chi, loài ở hai lớp trong ngành Ngọc lan

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Magnoliopsida	56	77,78	148	85,06	190	84,44
Liliopsida	16	22,22	26	14,94	35	15,56
Tổng	72	100,00	174	100,00	225	100,00
Tỉ lệ Ma/Li	3,5		5,69		5,43	

Số liệu bảng 2 cho thấy, lớp Mộc lan (Magnoliopsida) đóng vai trò chủ đạo với số lượng là 190 loài (84,44%); 148 chi (85,06%) và 56 họ (77,78%). Lớp Hành với số lượng loài ít nhất chỉ chiếm 15,56% tổng số loài của ngành Mộc lan. Tỉ lệ giữa lớp Magnoliopsida với lớp Liliopsida là: 3,5; 5,69; 5,43 nghĩa là có 3,5 họ của lớp Mộc lan thì có 1 họ lớp Hành; 5,69 chi thì có một chi lớp Hành; 5,43 loài của lớp Mộc lan thì có 1 loài lớp Hành. Trong đó 11 họ đa dạng nhất về thành phần loài, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)-14 loài, Cúc (Asteraceae)-13 loài, Cà phê (Rubiaceae) -10 loài, Đậu (Fabaceae), Dâu tằm (Moraceae) -9 loài, Hoa môi (Lamiaceae)-7 loài, Cà (Solanaceae), Trinh nữ (Mimosaceae), Vang (Caesalpiniaceae), Long não (Lauraceae), Na (Annonaceae) -6 loài. Có 9 chi đa dạng nhất chiếm 4,95% tổng số chi, nhưng chiếm tới 13,45% tổng số loài. Đó là: chi *Ficus*, *Solanum* có 5 loài, *Smilax* có 4 loài, *Hedyotis*, *Dioscorea*, *Allium*, *Lygodium*, *Thunbergia*, *Blumea* đều có 3 loài.

Đa dạng về dạng cây của các cây thuốc được người dân Thái sử dụng

Đối với mỗi loài cây đều có sự thích nghi với môi trường và được thể hiện qua dạng thân. Vì vậy, việc phân tích đa dạng về dạng thân của các cây thuốc định hướng cho ta thấy nguồn nguyên liệu dễ dàng trong việc bảo vệ, gây trồng cũng như việc khai thác và sử dụng. Căn cứ vào những dấu hiệu thích nghi của từng loài thực vật đó để làm cơ sở phân loại dạng thân. Kết quả điều tra, phân loại

và phân tích đa dạng về dạng thân của cây thuốc tại xã Châu Lý được phân ra làm 4 dạng thân khác nhau, kết quả tổng hợp được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Dạng thân của các cây thuốc được người dân Thái sử dụng

Dạng thân	Thân gỗ	Thân thảo	Cây bụi	Thân leo	Tổng
Số lượng loài	64	69	51	54	238
Tỉ lệ (%)	26,89	28,99	21,43	22,69	100

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, nhóm cây được sử dụng nhiều nhất là cây thân thảo có 69 loài (28,99%) so với tổng số loài. Các cây thuộc của nhóm này thường sống dưới tán rừng, trảng cỏ, hoặc nương rẫy, ven đường; chúng tập trung ở một số họ như: họ Cúc (Asteraceae), Họ hoa tán (Apiaceae), họ Bạc hà (Lamiaceae), họ Ráy (Araceae) và họ Gừng (Zingiberaceae)..

Nhóm thứ hai là cây thân gỗ có 64 loài (26,89%) so với tổng số loài, nhóm này chúng thường sống ở các đồi núi, rừng tái sinh, vườn nhà ở một số họ: Đào lộn hột (Anacardiaceae), Họ Na (Annonaceae), họ Núc nác (Bignoniaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Dầu tằm (Moraceae), họ Cà phê (Rubiaceae) và họ Bồ hòn (Sapindaceae).

Nhóm cây thân leo có 54 loài (22,69%) so với tổng số loài tập trung ở các họ như: Lygodiaceae, Acanthaceae, Gnetaceae, Smilacaceae... Nhóm này gồm những cây sống ở ven rừng, vùng savan, vườn nhà, vườn đồi, nương rẫy.

Nhóm chiếm tỷ lệ thấp nhất là nhóm cây có 51 loài (21,43%) so với tổng số loài và tập trung ở một số họ như: Melastomataceae, Malvaceae, Mimosaceae, Solanaceae... Nhóm này bao gồm những cây sống ở vùng đồi, nương rẫy, vùng savan.

Sự phân bố cây thuốc theo sinh cảnh

Qua phân tích đa dạng về dạng sống của các loài cây thuốc cho thấy mỗi loài cây thuốc có đặc điểm phân bố theo môi trường sống rất phong phú và phức tạp. Có những cây sống ở những vùng núi cao, hay vùng núi thấp hay trong khu rừng nguyên sinh, thứ sinh... lại có những cây sống ở vách núi đá vôi, hốc đá ẩm hay sống nhờ trên thân cây khác... Một số khác thì sống ở gần nước khe suối, ruộng âm; và cũng có thể ở ven đường đi, nương rẫy...

Với sinh cảnh sống hết sức đa dạng của cây thuốc, ở đây chúng tôi chia theo 5 nhóm môi trường chính và kết quả tổng hợp được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Sự phân bố các loài cây thuốc theo môi trường sống

TT	Sinh cảnh	Kí hiệu	Số loài*	Tỉ lệ%
1	Rừng rậm, rừng thưa, rừng tái sinh	R	106	44,54
2	Nương rẫy	RR	43	18,06
3	Vườn nhà	V	92	38,66
4	Ven đường, quanh bản	Tr	42	17,64
5	Bờ khe suối	Kh	21	8,82

Ghi chú: * Có những loài phân bố cả 3-4 môi trường sống

Kết quả từ bảng 4 cho thấy, số lượng loài cây thuốc phân bố trên các sinh cảnh là rất khác nhau. Những loài cây thuốc gặp sống ở rừng bao gồm những cây thuộc nhóm gỗ, bụi, leo sống dưới tán rừng, ven rừng, với số lượng lớn là 106 loài (44,54%) so với tổng số loài. Đối với những loài cây thuốc sống ở môi trường này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc khai thác nuôi

cây thuốc dưới tán rừng nhằm bảo vệ những nguồn gen quý để cung cấp dược liệu. Tiếp theo là các loài cây thuốc sống ở môi trường vườn nhà. Nhóm này chủ yếu là nhóm có dạng cây thân thảo có số loài là 92 loài (38,66%) so với tổng số loài.

Môi trường sống trên nương rẫy và trồng cây, quanh bản có số loài bắt gặp là 43 loài chiếm 18,06% và 42 loài (17,64%) so với tổng số loài. Và ít nhất là các loài cây thuốc gặp ở khe suối chỉ có 21 loài (8,82%).

Qua đánh giá tính đa dạng về sự phân bố cây thuốc theo sinh cảnh cho ta thấy được các loài cây thuốc có điều kiện sống rất đa dạng, phạm vi phân bố khác nhau. Nghiên cứu về sinh cảnh sống của từng loài là một việc rất quan trọng, nó giúp chúng ta có thể bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn nguyên liệu làm thuốc chữa bệnh.

Sử dụng cây thuốc của người dân tộc Thái ở xã Châu Lý

Sự đa dạng về tần số sử dụng của các bộ phận khác nhau

Khi nghiên cứu về các bộ phận thực vật sử dụng làm dược liệu của đồng bào dân tộc Thái ở xã Châu Lý ta thấy các bộ phận khác nhau được dùng với tỷ lệ khác nhau. Dùng lá, có tới 113 loài (36,93%) so với tổng số bộ phận sử dụng. Sử dụng cả cây với 75 loài (24,51%) Sử dụng bộ phận thân, cành với 33 loài (10,78%). Sử dụng bộ phận rễ với 28 loài (9,16%); Còn lại là các bộ phận như: quả, hạt, củ, vỏ và hoa cũng được sử dụng tuy không nhiều. Cách thức sử dụng từng loại nguyên liệu cũng rất khác nhau như dùng tươi hay phơi khô để sắc nước, giã tươi để bó các vết thương....

Các nhóm bệnh được người dân tộc Thái chữa trị bằng cây thuốc

Từ kinh nghiệm y học cổ truyền cho thấy một cây có thể có tác dụng với nhiều loại bệnh và ngược lại phải dùng nhiều loại cây mới chữa được một bệnh. Theo tài liệu của Đỗ Tất Lợi, Võ Văn Chi, Đỗ Huy Bích. Chúng tôi chia việc sử dụng các cây thuốc dân tộc để chữa bệnh theo các nhóm bệnh như sau (bảng 5).

Bảng 5. Sự đa dạng về các nhóm bệnh được chữa trị bằng cây thuốc

TT	Các nhóm bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bệnh ngoài da (nhiễm trùng, lở, mụn nhọt...)	40	15,69
2	Bệnh về thận (sỏi thận, lợi tiểu, viêm thận...)	14	5,49
3	Bệnh về xương (gãy xương, bong gân...)	15	5,88
4	Bệnh về tiêu hoá (tả, lỵ, ngộ độc...)	42	16,47
5	Bệnh do thời tiết (cảm nóng, lạnh, đau đầu...)	26	10,19
6	Bồi bổ sức khoẻ	36	14,12
7	Bệnh về phụ nữ (đẻ, dạ con...)	22	8,63
8	Bệnh về mắt	3	0,01
9	Hô hấp (ho, phế quản, phổi...)	15	5,58
10	Trẻ em (suy dinh dưỡng, giun sán...)	8	3,14
11	Bệnh về thần kinh (bại liệt, thần kinh...)	7	2,75
12	Bệnh về gan (gan, da vàng...)	7	2,75
13	Bệnh về răng	4	1,57
14	Động vật cắn (sên, vắt cắn...)	10	3,92
15	Bệnh dạ dày	6	2,35
Tổng		255	100,00

Kết quả bảng 5 cho thấy, các cây thuốc của người dân có thể sử dụng chữa các nhóm bệnh khác nhau, tài nguyên cây thuốc ở đây rất phong phú, đa dạng về mặt công dụng. Trong đó tỷ lệ cây thuốc chữa các bệnh về đường tiêu hoá là cao nhất chiếm 16,47%, bệnh ngoài da xếp thứ 2 chiếm 15,69%. Xếp thứ 3 là bồi bổ sức khoẻ chiếm 14,12%. Tiếp đó là các bệnh chữa do thời tiết chiếm 10,19%, chữa về đường hô hấp, chữa bệnh về xương chiếm 5,88%, chữa bệnh về động vật cắn 3,92%. Còn một số công dụng chữa bệnh khác thì rất thấp. Có thể do điều kiện tự nhiên nơi đây như: khí hậu, địa hình phức tạp... mà người dân sống ở rừng núi, họ thường gặp những bệnh về đường tiêu hoá, bệnh ngoài da và thường tìm những loài cây thuốc bổ để tăng cường sức khoẻ.

Những cây thuốc quý cần bảo vệ

Dựa vào Sách đỏ Việt Nam (Phần Thực vật), chúng tôi đã thống kê được 6 loài cây thuốc cần được ưu tiên bảo vệ, chiếm tỷ lệ 1,68% tổng số loài được sử dụng làm thuốc ở đây (bảng 6).

Bảng 6. Danh sách các loài cây thuốc quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam

TT	Tên khoa học	Tên VN	SĐ 2007
1	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Khôi tía	VU
2	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze et Mett.) J. Sm.	Bồ cốt toái	EN
3	<i>Rauvolfia micrantha</i> Hook.f.	Ba gác lá mỏng	VU
4	<i>Stemona cochinchinensis</i> Gagnep.	Bách bộ	VU

Trong đó: Có 4 loài trong Sách đỏ Việt Nam 2007, ở mức Nguy cấp (EN) có 1 loài là Bồ cốt toái (*Drynaria fortunei*), đây là loài bị khai thác mạnh không chỉ ở khu vực mà hầu như khắp các vùng trên cả nước. Sẽ nguy cấp (VU) có 3 loài là: Khôi tía (*Ardisia silvestris*), ba gác lá mỏng (*Rauvolfia micrantha*) và Bách bộ (*Stemona cochinchinensis*), đây cũng là các loài cây thuốc quý đang bị khai thác mạnh. Trên cơ sở thống kê này nhà nước cần quan tâm và có chính sách ưu tiên trong việc bảo tồn các loài cây thuốc quý hiếm.

KẾT LUẬN

1. Đã xác định được 238 loài với 182 chi, 80 họ của 4 ngành thực vật bậc cao là Lycopodiophyta, Polypodiophyta, Pinophyta, Magnoliophyta. Trong đó ngành Ngọc Lan ưu thế vượt trội là 225 loài chiếm 94,54% so với tổng số loài.

2. Nhóm cây được sử dụng nhiều nhất là cây thân thảo có 69 loài, tiếp đến là cây thân gỗ có 64 loài, nhóm cây thân leo có 54 loài, nhóm chiếm tỷ lệ thấp nhất là nhóm cây thân bụi, thân bò có 51 loài.

3. Bộ phận sử dụng chủ yếu là lá, có tới 113 loài, cả cây với 75 loài; thân, cành với 33 loài, rễ với 28 loài, vỏ 22 loài, quả với 16 loài, thấp nhất là củ với 8 loài.

4. Tỷ lệ cây thuốc chữa các bệnh về đường tiêu hoá là cao nhất chiếm 16,47%, bệnh ngoài da xếp thứ 2 chiếm 15,69%; nhóm bồi bổ sức khoẻ chiếm 14,12%; nhóm cây chữa bệnh do thời tiết chiếm 10,19%, chữa về đường hô hấp, chữa bệnh về xương chiếm 5,88%, chữa bệnh về động vật cắn 3,92%.

5. Có 4 loài cây thuốc ở xã Châu Lý có nguy cơ bị tuyệt chủng được ghi trong Sách đỏ Việt Nam, 1 loài cấp EN, 3 loài cấp VU, 2 loài được ghi trong danh lục đỏ cây thuốc. Đây là những loài cần được bảo tồn để sử dụng bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội.
- Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thị Hạnh, Ngô Trúc Nhã, 2001. Thực vật học dân tộc- Cây thuốc đồng bào Thái - Con Cuông - Nghệ An. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam (quyển I, II, III). Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Võ Văn Chi, 1996. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb Y học, Hà Nội.
- Trần Đình Lý và cộng sự, 1993. 1900 loài cây có ích ở Việt Nam, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Đỗ Huy Bích và cộng sự, 2003. Cây thuốc và động vật làm thuốc, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên) 2001-2005. Danh lục các loài Thực vật Việt nam, Tập I-III, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

PRELIMINARY RESULTS OF INVESTIGATION OF MEDICINAL PLANTS USED BY THAI MINORITY AT THE CHAU LY COMMUNE , QUY HOP DISTRICT, NGHE AN PROVINCE

Pham Hong Ban

Faculty of Biology, Vinh University

SUMMARY

In this paper, traditional plants used by Thai minority people at the Chau Ly commune, Quy Hop district, Nghe An province were investigated, collected, identified and listed with 238 species, 182 genera, 80 families of 4 divisions of the higher plants. Of those, species of the Magnolophyta are dominant representing 94.54% of total, then the Polypodiophyta -3.78%, the Lycopodiophyta - 0.84, and the Pinophyta - 0.84%. The traditional plants of Thai minority people at the Chau Ly are 5 threatened species listed in the Red Book of Vietnamese (2007). Their life-forms are diverse including Herbs -28.99%, Trees - 26.89%, Shrubs - 21.43%, and Lianas - 22.69%. They live mainly in forests: 44.54%, then in gardens: 38.66%. After an inventory, 15 groups of diseases were cured by the local people, of which 4 groups used with the largest number of species: digestion, skin, fever and lung diseases. Parts of plant species used by the Thai People is different of these parts, leaves are used the most common: 36.93%, then roots: 9.16% and stems: 24.51%.

Key words: Thai minority, Medicinal plants, Quy Hop, Nghe An.